TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 283/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên;

2. Bà Trương Thị Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 859/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/8/2019 về việc "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2019/QĐST-HPT ngày 16/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thanh D, sinh năm 1987, xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T 2, xã T, huyện M, tỉnh B.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1986, (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực 1, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2019 và tại biên bản tự khai của bà Phan Thanh D trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Nguyễn Văn H cưới nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 03/8/2009. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, bà và ông H ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Diễm M, sinh ngày 06/9/2010, Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/4/2016. Hiện nay các con đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D xác định bà và ông H chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn H được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Ông H cũng không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn bà D có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Phan Thanh D và ông Nguyễn Văn H cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/8/2009 (số 64/2009, quyển số 01/2009) nên quan hệ hôn nhân của bà D và ông H được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Bà D cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do ông H không quan tâm chăm sóc gia đình nên mới xin ly hôn. Ông H được tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án thể hiện việc bà D yêu cầu xin ly hôn với ông H tại Tòa án nhưng ông H không có ý kiến, không thể hiện ý chí đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà D xác định không còn tình cảm với ông H và cương quyết ly hôn với ông H không cho ông H cơ hội để đoàn tụ. Điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị D đối với ông Nguyễn Văn H.

[3] Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung tên Nguyễn Diễm M, sinh ngày 06/9/2010 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/4/2016, bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với ông H, ông không có ý kiến về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay bà D đang nuôi các con chung vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử Quyết định giao các cháu Nguyễn Thị Diễm M và cháu Nguyễn Tuấn K cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung vì bà D không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D xác định bà và ông H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung của bà D và ông Hiệp.

Trường hợp sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung cũng như quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thanh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thanh D với ông Nguyễn Văn H.

Về hôn nhân: Bà Phan Thanh D được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về quyền nuôi con chung: Bà Phan Thanh D được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Diễm M, sinh nhày 06/9/2010 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/4/2016. Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Phan Thanh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003371, ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án. Nguyễn đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND thị trấn Hiệp Hòa
- Đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Tài